

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YS
TỈNH TQ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 15/2023/HNGĐ-ST
Ngày 17/01/2023
V/v “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YS, TỈNH TQ
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đặng Thị Huệ và bà Lộc Thị Kim Thơm.

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thảo Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện YS, tỉnh TQ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện YS, tỉnh TQ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Mai Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 17/01/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện YS mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 290/2022/TLST-HNGĐ, ngày 26 tháng 12 năm 2022, về việc: Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 03/01/2023, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị **Chánh Thị L**, sinh năm 1986.

2. Bị đơn: Anh **Hoàng Văn T**, sinh năm 1979.

Cùng địa chỉ: Thôn BK, xã HL, huyện YS, tỉnh TQ.

(Chị L và anh T có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Chánh Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hoàng Văn T về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2003, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới, hỏi theo phong tục của địa phương, nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống với nhau, chị và anh T được chính quyền địa phương phổ biến, tuyên truyền về luật hôn nhân và gia đình, khuyến khích anh chị đến Ủy ban nhân dân xã HL để đăng ký kết hôn, nhưng mãi làm ăn nên chị và anh T không đến làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi về sống chung, chị sống cùng gia đình nhà anh T ở thôn BK, xã HL, huyện YS, tỉnh TQ. Trong quá trình chung sống, chị và anh T sống không có H phúc nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn tới mâu thuẫn là do tính tình hai bên không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm lối

sống và trong làm ăn. Chị và anh T sống ly thân nhiều năm nay. Nay chị xác định chị và anh T không còn tình cảm với nhau nữa, không thể sống chung với nhau được nữa, do chị và anh T không đăng ký kết hôn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận chị và anh Hoàng Văn T là vợ chồng.

Về con chung: Chị và anh T có 03 con chung, là cháu Hoàng Thị H, sinh ngày 20/6/2004; cháu Hoàng Thị B, sinh này 01/01/2006 và cháu Hoàng Thị T, sinh ngày 24/9/2015, hiện nay cháu H đang ở với chị, còn cháu B và cháu T đang ở với anh T. Cháu H hiện nay đang ở với chị nhưng cháu đã trưởng thành, đủ 18 tuổi và có khả năng lao động, không đề nghị Tòa án giải quyết. Còn anh T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu B và cháu T, chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Chị và anh T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Quá trình chung sống chị và anh T không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Hoàng Văn T trình bày: Anh và chị Cháng Thị L về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2003, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới, hỏi theo phong tục của địa phương, nhưng anh và chị L không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống với nhau, anh và chị L được chính quyền địa phương phổ biến, tuyên truyền về luật hôn nhân và gia đình, khuyến khích anh chị đến Ủy ban nhân dân xã HL để đăng ký kết hôn, nhưng mãi làm ăn nên anh và chị L không đến làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi về sống chung, anh và chị L sống cùng gia đình nhà anh T ở thôn BK, xã HL, huyện YS, tỉnh TQ. Trong quá trình chung sống, anh và chị L sống không có H phúc nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn tới mâu thuẫn là do tính tình hai bên không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm, lối sống. Anh và chị L sống ly thân nhiều năm nay. Nay anh xác định không còn tình cảm với chị L nữa, không thể sống chung với nhau được nữa, nên anh nhất trí với yêu cầu của chị L, anh đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận anh và chị Cháng Thị L là vợ chồng.

Về con chung: Anh và chị L có 03 con chung, là cháu Hoàng Thị H, sinh ngày 20/6/2004, cháu Hoàng Thị B, sinh này 01/01/2006 và cháu Hoàng Thị T, sinh ngày 24/9/2015, hiện nay cháu B và cháu T đang ở với anh, còn cháu H đang ở với chị L. Cháu H hiện nay đang ở với chị L nhưng cháu đã trưởng thành, đủ 18 tuổi và có khả năng lao động, anh không đề nghị Tòa án giải quyết. Anh yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu B và cháu T. Anh không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Anh và chị L tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Quá trình chung sống anh và chị L không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên toà, chị L, anh T giữ nguyên quan điểm như đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên toà đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện YS phát biểu quan điểm: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, thẩm phán và Hội đồng xét xử (HĐXX) đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo. Đề nghị HĐXX: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Cháng Thị L, xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Cháng Thị L và anh Hoàng Văn T. Về con chung: Giao con chung là cháu Hoàng Thị B, sinh này 01/01/2006 và cháu Hoàng Thị T, sinh ngày 24/9/2015 cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: Các đương sự xác định không có nên đề nghị không xem xét giải quyết; về án phí: Chị L phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị L và anh T về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2003 đến nay, được tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương, mặc dù có đủ điều kiện nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, vì vậy đây là quan hệ hôn nhân không hợp pháp. Chị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận anh chị và anh T là vợ chồng, yêu cầu giao nuôi con chung, do vậy quan hệ pháp luật tranh chấp xác định là: *Tranh chấp về nuôi con của nam, nữ sống chung với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn* theo quy định tại khoản 7 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Kết quả xác minh xác định bị đơn là anh Hoàng Văn T hiện đang cư trú, sinh sống tại xã HL, huyện YS, tỉnh TQ. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân huyện YS, tỉnh TQ.

[3] Chị L và anh T đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, HĐXX căn cứ điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[4] Về yêu cầu khởi kiện của chị Cháng Thị L, HĐXX nhận định:

- Đối với yêu cầu Tòa án không công nhận chị L và anh T là vợ chồng: Căn cứ kết quả xác minh tại chính quyền địa phương nơi chị L, anh T đang sinh sống thường xuyên xác định: Chị Cháng Thị L và anh Hoàng Văn T về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2003, không đăng ký kết hôn nhưng được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục, tập quán địa phương, mặc dù chị L, anh T có đủ điều kiện để đăng ký kết. Bản thân chị L, anh T xác định không đăng ký kết hôn và không thể tiếp tục sống với nhau được nữa. Từ những căn cứ trên xác định và căn cứ điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, quy định: *“Nam nữ có đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình chung sống với nhau như vợ chồng, mà không đăng ký kết hôn theo pháp luật không công nhận họ là vợ chồng”*. Như vậy, chị L và anh T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2003, nhưng không đăng ký kết hôn, nay chị L đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh Hoàng Văn T. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Cháng Thị L và anh Hoàng Văn T.

- Đối với yêu cầu được giao nuôi con chung khi ly hôn, HĐXX nhận định: Chị Cháng Thị L và anh Hoàng Văn T 03 con chung, là cháu Hoàng Thị H, sinh ngày 20/6/2004, cháu Hoàng Thị B, sinh này 01/01/2006 và cháu Hoàng Thị T, sinh ngày 24/9/2015. Chị L và anh T đều xác định cháu H đã trưởng thành, đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Còn đối với cháu B và cháu T, anh T có nguyện vọng được nuôi cháu B và cháu T. Chị L cũng nhất trí để anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu B và cháu T. Xét điều kiện giao con khi ly hôn thì thấy anh T có đủ điều kiện để trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung và cũng để phù hợp với nguyện vọng của chị L và cháu B, cháu T nên Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu Hoàng Thị B, cháu Hoàng Thị T cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung và được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

[3]. Về tài sản chung: Chị L và anh T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: Chị L và anh T xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. Về án phí: Chị Cháng Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp. Anh T không phải nộp án phí.

[5] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28; 35; 39; 147; 228; 235; 266; 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ các điều 14; 15; 53; 81; 82; 83 của Luật hôn nhân và

gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Cháng Thị L và anh Hoàng Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Hoàng Thị B, sinh này 01/01/2006 và cháu Hoàng Thị T, sinh ngày 24/9/2015 cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Cháng Thị L phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0004362 ngày 26/12/2022, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện YS, tỉnh TQ, chị Cháng Thị L đã nộp đủ án phí. Anh Hoàng Văn T không phải chịu án phí.

Chị Cháng

Thị L và anh Hoàng Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TQ;
- VKSND huyện YS;
- Chi cục THADS huyện YS;
- UBND xã HL;;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Quỳnh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phạm Văn Ninh - Lộc Thị Kim Thơm

Nguyễn Thị Thu Hà